

**CÔNG TY TNHH TM-DV TỔNG HỢP MINH AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM-DV TỔNG HỢP MINH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH AN GENETAL TM-DV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH AN GENETAL CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703043267

**3. Ngày thành lập:** 11/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

109/44/18/3 Nguyễn Thái Bình, khu phố 9, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0911454849

Fax:

Email: [alinafood911@gmail.com](mailto:alinafood911@gmail.com)

Website: [alinafood.vn](http://alinafood.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống            | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                    | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                  | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                              | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                               | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                | 4652     |
| 9.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                  | 8511     |
| 10. | Giáo dục mẫu giáo                                                                 | 8512     |
| 11. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                  | 9311     |
| 12. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao                                             | 9312     |
| 13. | Hoạt động thể thao khác                                                           | 9319     |
| 14. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                           | 9329     |
| 15. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                               | 9522     |
| 16. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                             | 9523     |
| 17. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                             | 9524     |
| 18. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu | 9529     |
| 19. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                    | 9620     |
| 20. | Lập trình máy vi tính                                                             | 6201     |
| 21. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                               | 6202     |

|     |                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                      | 6209        |
| 23. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                   | 6311        |
| 24. | Cổng thông tin                                                                                                       | 6312        |
| 25. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                        | 6399        |
| 26. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                | 6810        |
| 27. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                    | 6820        |
| 28. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                               | 7710        |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711(Chính) |
| 30. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719        |
| 31. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721        |
| 32. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722        |
| 33. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723        |
| 34. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                      | 1010        |
| 35. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                              | 1020        |
| 36. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                         | 1030        |
| 37. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                  | 1050        |
| 38. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                          | 1061        |
| 39. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                        | 1062        |
| 40. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                        | 1071        |
| 41. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                  | 1073        |
| 42. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                         | 1074        |
| 43. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075        |
| 44. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                       | 1079        |
| 45. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                              | 1104        |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                       | 4774        |
| 47. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                     | 4781        |
| 48. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                             | 4782        |
| 49. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                   | 4783        |
| 50. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                  | 4784        |
| 51. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                  | 4785        |
| 52. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                           | 4789        |
| 53. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                              | 4791        |
| 54. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                         | 4799        |
| 55. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                       | 4933        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 56. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 57. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229 |
| 58. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510 |
| 59. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                      | 5590 |
| 60. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610 |
| 61. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621 |
| 62. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629 |
| 63. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630 |
| 64. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                       | 5820 |
| 65. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730 |
| 66. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                   | 7810 |
| 67. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                              | 7820 |
| 68. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                      | 7830 |
| 69. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                 | 8110 |
| 70. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121 |
| 71. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 72. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                   | 8211 |
| 73. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                | 8219 |
| 74. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 75. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 76. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 77. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 78. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 79. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 80. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 81. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 82. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 83. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |

|     |                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 84. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 85. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH HUỲNH Giới tính: Nữ  
 Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*  
 Sinh ngày: 29/03/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 280891792  
 Ngày cấp: 19/03/2018 Nơi cấp: Công an Bình Dương  
 Địa chỉ thường trú: *167 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*  
 Địa chỉ liên lạc: *109/44/18/3 Nguyễn Thái Bình, khu phố 9, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương